

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND xã Đại Sơn)

Đơn vị : 1000 đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	Tổng thu	5,899,000	8,899,000	6,461,662	6,955,333	109.54	78.16
I	Các khoản thu 100%	131,000	131,000	72,940	72,940	531.15	55.68
1	Phí, lệ phí	35,000	35,000	13,320	13,320	38.06	38.06
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	11,000	11,000	53,440	53,440	485.82	485.82
3	Thu phạt, tịch thu theo quy định khác						
4	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định						
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Thu phạt	-	-				
8	Thu khác	85,000	85,000	6,180	6,180	7.27	7.27
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	299,000	3,299,000	513,356	513,356	349	349
1	Các khoản thu phân chia	203,000	3,203,000	408,712	408,712	126	126
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70,000	70,000	-	-	-	0.00
	- Thu tiền sử dụng đất		3,000,000	330,593	330,593	0.11	0.11
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	13,000	13,000	8,800	8,800	67.69	67.69
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	120,000	120,000	69,319	69,319	57.77	57.77
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	96,000	96,000	104,644	104,644	223	223
	- Thuế thu nhập cá nhân	32,000	32,000	38,172	38,172	119.29	119.29
	- Thuế GTGT	64,000	64,000	66,472	66,472	103.86	103.86
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn				493,671		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,469,000	5,469,000	5,875,366	5,875,366	107.43	107.43

	- Thu bổ sung cân đối	5,469,000	5,469,000	2,500,000	2,500,000	45.71	45.71
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	3,375,366	3,375,366		0.00

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND xã Đại Sơn)

Đơn vị: 1000 đồng

Stt	Tên công trình	Dự toán			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022			So sánh		
		Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	Thường xuyên
	TỔNG CHI	8,927,000	3,000,000	5,927,000	2,723,139	-	2,723,139	30.50	-	45.94
	Trong đó:									
1	Chi cho giáo dục	2,500,000	2,500,000		-				-	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa thông tin	25,000		25,000	3,968		12,000	15.87		48.00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	34,304		34,304	7,152		7,152	20.85		20.85
6	Chi thể dục thể thao	5,000		5,000	-		5,000	-		100.00
7	Chi bảo vệ môi trường			-	-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	48,972		48,972	15,287		43,992	31.22		89.83
9	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể, QP, AN	5,716,800	500,000	5,216,800	2,422,033		2,422,033	42.37	-	46.43
10	Chi công tác xã hội	456,096		506,924	216,548		232,962	47.48		45.96
11	Dự phòng	90,000		90,000	-					

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND xã Đại Sơn)

Đơn vị : 1000 đồng

Stt	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán thu năm 2022		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	Tổng thu	8,820,000	10,820,000	25,722,615	26,054,167	291.64	240.80
I	Các khoản thu 100%	305,000	305,000	370,742	370,742	331.43	121.55
1	Phí, lệ phí	55,000	55,000	33,280	33,280	60.51	60.51
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	100,000	100,000	137,853	137,853	137.85	137.85
3	Thu phạt, tịch thu theo quy định khác				-		
4	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định						
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Thu phạt	-	-				
8	Thu khác	150,000	150,000	199,609	199,609	133.07	133.07
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3,173,000	5,173,000	790,628	790,628	1,158	1,158
1	Các khoản thu phân chia	3,113,000	5,113,000	694,914	694,914	827	827
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	70,000	70,000	188,395	188,395	269.14	269.14
	- Thu tiền sử dụng đất	3,000,000	5,000,000	356,500	356,500	0.07	0.07
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	13,000	13,000	13,200	13,200	101.54	101.54
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	30,000	30,000	136,819	136,819	456.06	456.06
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	60,000	60,000	95,714	95,714	331	331
	- Thuế thu nhập cá nhân	20,000	20,000	36,648	36,648	183.24	183.24
	- Thuế GTGT	40,000	40,000	59,066	59,066	147.67	147.67
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			493,671	825,223		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			486,124	486,124		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5,342,000	5,342,000	23,581,450	23,581,450	441.43	441.43
	- Thu bổ sung cân đối	5,342,000	5,342,000	5,342,000	5,342,000	100.00	100.00
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	18,239,450	18,239,450		0.00

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND xã Đại Sơn)

Đơn vị: 1000 đồng

Stt	Tên công trình	Dự toán			Quyết toán chi năm 2022			So sánh		
		Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	Thường xuyên
	TỔNG CHI	8,640,000	3,000,000	5,640,000	25,375,896	18,460,510	6,915,386	293.70	1,822	122.61
	Trong đó:									
1	Chi cho giáo dục	2,400,000	2,400,000		13,708,510	13,708,510		571.19	571	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-			-					
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa thông tin	25,000		25,000	24,998		24,998	99.99		99.99
5	Chi phát thanh, truyền thanh	24,304		24,304	24,304		24,304	100.00		100.00
6	Chi thể dục thể thao	5,000		5,000	2,590		2,590	51.80		51.80
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	248,972	200,000	48,972	307,073	252,000	55,073	123.34	126	112.46
9	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể, QP, AN	5,480,628	400,000	5,080,628	10,287,097	4,500,000	5,787,097	187.70	1,125	113.91
10	Chi công tác xã hội	456,096		456,096	1,021,324		1,021,324	223.93		223.93
11	Chi chuyển nguồn	-			346,721		346,721			
12	Chi kết dư ngân sách	-			-		-			
13	Dự phòng	-			-					